

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	1.01	PHẠM NGUYỄN HẢI ANH	05/09/2011	Toán	10 Toán
2	1.02	NGUYỄN HUỲNH THIÊN ÂN	22/09/2011	Toán	10 Toán
3	1.03	NGUYỄN ĐỨC BẢO	17/07/2011	Toán	10 Toán
4	1.04	NGUYỄN CẨM BÌNH	08/10/2011	Toán	10 Toán
5	1.05	ĐẶNG AN DI	03/01/2011	Toán	10 Toán
6	1.06	ĐỖ QUỐC DUY	21/11/2011	Toán	10 Toán
7	1.07	VÕ VĂN KHÁNH DUY	15/08/2011	Toán	10 Toán
8	1.08	BÙI PHONG HẢI	08/03/2011	Toán	10 Toán
9	1.09	NGUYỄN HOÀI HẢI	20/04/2011	Toán	10 Toán
10	1.10	NGUYỄN GIA HÂN	10/03/2011	Toán	10 Toán
11	1.11	LÊ NGUYỄN VIỆT HÙNG	15/10/2011	Toán	10 Toán
12	1.12	NGUYỄN GIA HUY	25/03/2011	Toán	10 Toán
13	1.13	NGUYỄN MINH KHANG	03/05/2011	Toán	10 Toán
14	1.14	LƯU DUY KHOA	06/10/2011	Toán	10 Toán
15	1.15	PHẠM MAI ANH KHÔI	13/04/2011	Toán	10 Toán
16	1.16	PHẠM GIA KIÊN	22/10/2011	Toán	10 Toán
17	1.17	BÙI KHÁNH LINH	22/04/2011	Toán	10 Toán
18	1.18	CAO HÀ LINH	21/02/2011	Toán	10 Toán
19	1.19	VŨ THỊ THANH MAI	19/06/2011	Toán	10 Toán
20	1.20	LÊ HOÀNG NHẬT MINH	05/02/2011	Toán	10 Toán
21	1.21	NGUYỄN QUANG MINH	02/02/2011	Toán	10 Toán
22	1.22	NGUYỄN TẤN MINH	19/05/2011	Toán	10 Toán
23	1.23	LÊ KHẢ NGUYỄN	05/11/2011	Toán	10 Toán
24	1.24	TRƯƠNG UYÊN NHÃ	05/11/2011	Toán	10 Toán
25	1.25	PHẠM MINH NHẬT	14/02/2011	Toán	10 Toán
26	1.26	HOÀNG NGUYỄN YẾN NHI	04/08/2011	Toán	10 Toán
27	1.27	HUỲNH TẤN PHONG	09/04/2011	Toán	10 Toán
28	1.28	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	23/01/2011	Toán	10 Toán
29	1.29	MAI VĂN QUYỀN	16/04/2011	Toán	10 Toán
30	1.30	HUỲNH THANH TÂN	04/02/2011	Toán	10 Toán
31	1.31	TRẦN ĐỨC TÂN	20/07/2011	Toán	10 Toán
32	1.32	HOÀNG ANH THƯ	12/05/2011	Toán	10 Toán
33	1.33	VƯƠNG THỊ ANH THƯ	05/09/2011	Toán	10 Toán
34	1.34	TRƯƠNG PHẠM BẢO THY	20/09/2011	Toán	10 Toán
35	1.35	TRƯƠNG CÁT TIỀN	01/06/2011	Toán	10 Toán

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	2.01	NGUYỄN HỮU GIA BẢO	11/07/2011	Vật lí	10 Lí
2	2.02	NGUYỄN LINH ĐAN	12/02/2011	Vật lí	10 Lí
3	2.03	NGUYỄN MINH ĐẠT	01/08/2011	Vật lí	10 Lí
4	2.04	LÊ ĐÌNH ĐOÀN	11/09/2011	Vật lí	10 Lí
5	2.05	BÙI MINH ĐỨC	03/07/2011	Vật lí	10 Lí
6	2.06	VÕ VĂN HOÀNG GIA	01/02/2011	Vật lí	10 Lí
7	2.07	LÊ DANH HUY	22/04/2011	Vật lí	10 Lí
8	2.08	TRẦN TIẾN HUY	21/01/2011	Vật lí	10 Lí
9	2.09	VŨ ĐỨC HÙNG	25/11/2011	Vật lí	10 Lí
10	2.10	ĐỖ NGUYỄN KHÔI	21/09/2011	Vật lí	10 Lí
11	2.11	CHU QUỐC ANH KIẾT	31/03/2011	Vật lí	10 Lí
12	2.12	ĐINH GIA LINH	04/01/2011	Vật lí	10 Lí
13	2.13	PHẠM QUỐC LỢI	23/04/2011	Vật lí	10 Lí
14	2.14	NGUYỄN TRẦN TRÚC LY	03/08/2011	Vật lí	10 Lí
15	2.15	NGUYỄN BÌNH MINH	20/08/2011	Vật lí	10 Lí
16	2.16	NGUYỄN DUY QUANG MINH	08/07/2011	Vật lí	10 Lí
17	2.17	NGUYỄN MINH NGHĨA	31/10/2011	Vật lí	10 Lí
18	2.18	ĐƯỜNG CHẤN NGUYỄN	11/07/2011	Vật lí	10 Lí
19	2.19	NGUYỄN VĂN TẤN PHÁT	11/01/2011	Vật lí	10 Lí
20	2.20	LÊ THANH PHONG	14/02/2011	Vật lí	10 Lí
21	2.21	NGUYỄN NHẬT PHONG	28/02/2011	Vật lí	10 Lí
22	2.22	LÊ ĐÔNG PHÚ	19/11/2011	Vật lí	10 Lí
23	2.23	LÊ NGỌC ANH QUÂN	21/03/2011	Vật lí	10 Lí
24	2.24	BÙI VĂN QUỐC	01/01/2011	Vật lí	10 Lí
25	2.25	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	03/10/2011	Vật lí	10 Lí
26	2.26	LÊ TẤN TÀI	24/12/2011	Vật lí	10 Lí
27	2.27	NGÔ PHÚ THÀNH	14/04/2011	Vật lí	10 Lí
28	2.28	ĐINH PHÚ THỊNH	25/06/2011	Vật lí	10 Lí
29	2.29	LÊ BẢO ANH THƯ	28/02/2011	Vật lí	10 Lí
30	2.30	PHẠM BẢO THY	04/05/2011	Vật lí	10 Lí
31	2.31	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	15/09/2011	Vật lí	10 Lí
32	2.32	NGUYỄN QUỐC TRUNG	28/12/2011	Vật lí	10 Lí
33	2.33	HUỲNH MINH TUẤN	23/03/2011	Vật lí	10 Lí
34	2.34	TRẦN VĂN TUẤN	25/03/2011	Vật lí	10 Lí
35	2.35	VÕ NGUYỄN NHƯ Ý	05/01/2011	Vật lí	10 Lí

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	3.01	LÊ NGỌC THÙY AN	14/02/2011	Hóa học	10 Hóa
2	3.02	NGUYỄN THÀNH AN	25/04/2011	Hóa học	10 Hóa
3	3.03	HOÀNG ĐỨC ANH	04/02/2011	Hóa học	10 Hóa
4	3.04	LÊ HÙNG ANH	21/09/2011	Hóa học	10 Hóa
5	3.05	VŨ NAM ANH	04/11/2011	Hóa học	10 Hóa
6	3.06	TRẦN HOÀNG BÁCH	03/07/2011	Hóa học	10 Hóa
7	3.07	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	27/02/2011	Hóa học	10 Hóa
8	3.08	NGUYỄN HOÀNG DANH	05/11/2011	Hóa học	10 Hóa
9	3.09	LÊ KHÁNH DUNG	01/08/2011	Hóa học	10 Hóa
10	3.10	VÕ VIỆT DŨNG	04/03/2011	Hóa học	10 Hóa
11	3.11	NGUYỄN YẾN ĐAN	13/02/2011	Hóa học	10 Hóa
12	3.12	NGUYỄN HUỲNH THÀNH ĐẠT	27/05/2011	Hóa học	10 Hóa
13	3.13	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	14/09/2011	Hóa học	10 Hóa
14	3.14	HOÀNG GIA HÂN	05/03/2011	Hóa học	10 Hóa
15	3.15	LƯU LÊ GIA HUY	02/09/2011	Hóa học	10 Hóa
16	3.16	NGUYỄN GIA HUY	28/05/2011	Hóa học	10 Hóa
17	3.17	NGUYỄN QUANG HUY	21/03/2011	Hóa học	10 Hóa
18	3.18	NGUYỄN VĂN HUY	14/04/2011	Hóa học	10 Hóa
19	3.19	LÊ QUỐC HÙNG	08/02/2011	Hóa học	10 Hóa
20	3.20	NGUYỄN LÂM KHANG	07/09/2011	Hóa học	10 Hóa
21	3.21	HỒ THÙY LÂM	17/06/2011	Hóa học	10 Hóa
22	3.22	TRẦN HOÀNG GIA LÂM	17/09/2011	Hóa học	10 Hóa
23	3.23	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	19/07/2011	Hóa học	10 Hóa
24	3.24	LÊ ĐỨC MINH	27/02/2011	Hóa học	10 Hóa
25	3.25	LÊ QUANG MINH	12/07/2011	Hóa học	10 Hóa
26	3.26	NGUYỄN NGỌC THU NGÂN	10/10/2011	Hóa học	10 Hóa
27	3.27	PHẠM TRUNG NGHĨA	02/04/2011	Hóa học	10 Hóa
28	3.28	HỒ BẢO NGỌC	16/04/2011	Hóa học	10 Hóa
29	3.29	LÊ TRƯƠNG BẢO NGỌC	23/10/2011	Hóa học	10 Hóa
30	3.30	TRẦN ÁNH NGUYỆT	29/10/2011	Hóa học	10 Hóa
31	3.31	NGUYỄN VÕ QUANG NHẬT	09/02/2011	Hóa học	10 Hóa
32	3.32	ĐỖ HẢI PHONG	19/08/2011	Hóa học	10 Hóa
33	3.33	BÙI THỊ TRÚC QUYÊN	05/09/2011	Hóa học	10 Hóa
34	3.34	ĐẶNG VĂN THIỆN	01/08/2011	Hóa học	10 Hóa
35	3.35	VÕ MINH TRÍ	28/03/2011	Hóa học	10 Hóa

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	4.01	ĐẶNG NGUYỄN BẢO AN	19/06/2011	Sinh học	10 Sinh
2	4.02	NGUYỄN HOÀI ANH	03/10/2011	Sinh học	10 Sinh
3	4.03	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	18/02/2011	Sinh học	10 Sinh
4	4.04	NGUYỄN NHẬT CHÂU ANH	21/10/2011	Sinh học	10 Sinh
5	4.05	PHÙNG PHƯƠNG ANH	18/09/2011	Sinh học	10 Sinh
6	4.06	LỤC HỒNG ÂN	07/10/2011	Sinh học	10 Sinh
7	4.07	VŨ NGUYỄN THIÊN ÂN	30/06/2011	Sinh học	10 Sinh
8	4.08	TRẦN LÊ NGỌC DIỆP	25/11/2011	Sinh học	10 Sinh
9	4.09	VÕ TRẦN KỲ DUYÊN	09/09/2011	Sinh học	10 Sinh
10	4.10	HUỲNH LÊ TIẾN ĐỨC	21/04/2010	Sinh học	10 Sinh
11	4.11	PHẠM THỊ VIỆT HÀ	23/03/2011	Sinh học	10 Sinh
12	4.12	CAO NGUYỄN GIA HÂN	09/03/2011	Sinh học	10 Sinh
13	4.13	LÊ SỸ KHA	10/04/2011	Sinh học	10 Sinh
14	4.14	THÁI NHƯ LAM	12/05/2011	Sinh học	10 Sinh
15	4.15	LÊ HOÀNG PHƯƠNG LINH	08/02/2011	Sinh học	10 Sinh
16	4.16	NGUYỄN KHÁNH LINH	20/12/2011	Sinh học	10 Sinh
17	4.17	ĐỖ LÊ NA	11/02/2011	Sinh học	10 Sinh
18	4.18	NGUYỄN HUỲNH THẢO NGUYỄN	05/12/2011	Sinh học	10 Sinh
19	4.19	NGUYỄN TRẦN TUYẾT NHI	17/11/2011	Sinh học	10 Sinh
20	4.20	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	14/02/2011	Sinh học	10 Sinh
21	4.21	VŨ SÂM	07/10/2011	Sinh học	10 Sinh
22	4.22	NGUYỄN PHƯƠNG THU	23/08/2011	Sinh học	10 Sinh
23	4.23	CHẾ ANH THƯ	28/10/2011	Sinh học	10 Sinh
24	4.24	TRẦN LÊ ANH THƯ	11/06/2011	Sinh học	10 Sinh
25	4.25	NGUYỄN TRẦN BẢO THY	16/10/2011	Sinh học	10 Sinh
26	4.26	NGUYỄN DƯỠC TIÊN	24/07/2011	Sinh học	10 Sinh
27	4.27	PHAN ĐAN TRINH	19/06/2011	Sinh học	10 Sinh
28	4.28	NGUYỄN XUÂN TRỌNG	07/04/2011	Sinh học	10 Sinh
29	4.29	NGUYỄN PHẠM CẨM TÚ	04/02/2011	Sinh học	10 Sinh
30	4.30	PHẠM MINH TUẤN	26/11/2011	Sinh học	10 Sinh
31	4.31	PHẠM DUY TƯỜNG	27/04/2011	Sinh học	10 Sinh
32	4.32	TRẦN NGỌC UYÊN	19/01/2011	Sinh học	10 Sinh
33	4.33	NGUYỄN THÀNH VINH	29/03/2011	Sinh học	10 Sinh
34	4.34	VŨ THỊ TƯỜNG VY	30/01/2011	Sinh học	10 Sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	5.01	VŨ NGỌC AN	01/12/2011	Tin học	10 Tin
2	5.02	NGUYỄN BÁ NAM ANH	15/01/2011	Tin học	10 Tin
3	5.03	NGUYỄN HUỖNH GIA BẢO	01/12/2011	Tin học	10 Tin
4	5.04	NGUYỄN NGÔ GIA BẢO	09/08/2011	Tin học	10 Tin
5	5.05	PHAN BẢO CHÂU	15/01/2011	Tin học	10 Tin
6	5.06	VŨ HÀ TIẾN DŨNG	24/01/2011	Tin học	10 Tin
7	5.07	LÊ BẢO DUY	25/06/2011	Tin học	10 Tin
8	5.08	NGUYỄN NHẬT ĐAN	04/05/2011	Tin học	10 Tin
9	5.09	VÕ NGỌC ĐỨC	12/02/2011	Tin học	10 Tin
10	5.10	THÁI DOÃN HOÀNG	01/02/2011	Tin học	10 Tin
11	5.11	HỒ VĂN KHANG	01/08/2011	Tin học	10 Tin
12	5.12	LÊ MINH KHÁNH	25/11/2011	Tin học	10 Tin
13	5.13	MAI QUỐC KHÁNH	25/01/2011	Tin học	10 Tin
14	5.14	TRƯƠNG QUỐC KHÁNH	05/09/2011	Tin học	10 Tin
15	5.15	PHẠM TẤN KHOA	24/11/2011	Tin học	10 Tin
16	5.16	NGUYỄN VÕ ĐĂNG KHÔI	01/02/2011	Tin học	10 Tin
17	5.17	NGUYỄN TRẦN QUỐC LONG	07/03/2011	Tin học	10 Tin
18	5.18	TRẦN THỂ MINH	30/06/2011	Tin học	10 Tin
19	5.19	PHẠM HÀ MY	29/07/2011	Tin học	10 Tin
20	5.20	PHẠM BẢO NGỌC	08/10/2011	Tin học	10 Tin
21	5.21	NGUYỄN CAO THIỆN NHÂN	25/02/2011	Tin học	10 Tin
22	5.22	LÊ TUẤN PHONG	24/03/2011	Tin học	10 Tin
23	5.23	LA HỒ MỸ QUYÊN	06/07/2011	Tin học	10 Tin
24	5.24	NGUYỄN THÁI SƠN	09/01/2011	Tin học	10 Tin
25	5.25	NGUYỄN DUY THANH	14/03/2011	Tin học	10 Tin
26	5.26	TRƯƠNG ANH TUẤN	22/03/2011	Tin học	10 Tin
27	5.27	NGUYỄN THANH XUÂN	29/11/2011	Tin học	10 Tin

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	6.01	LÊ NGUYỄN NGỌC ANH	02/03/2011	Ngữ văn	10 Văn
2	6.02	VÕ THỊ PHƯƠNG CHI	28/03/2011	Ngữ văn	10 Văn
3	6.03	TRỊNH PHƯƠNG NGỌC DIỄM	07/04/2011	Ngữ văn	10 Văn
4	6.04	ĐỖ TRẦN ĐAN DƯƠNG	07/09/2011	Ngữ văn	10 Văn
5	6.05	LÊ DƯƠNG THANH HẰNG	19/04/2011	Ngữ văn	10 Văn
6	6.06	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	04/10/2011	Ngữ văn	10 Văn
7	6.07	U TRẦN HOÀNG	08/12/2011	Ngữ văn	10 Văn
8	6.08	LÊ KIM HUYỀN	21/08/2011	Ngữ văn	10 Văn
9	6.09	HỒ HOÀNG LAN	19/03/2011	Ngữ văn	10 Văn
10	6.10	CHÂU PHƯƠNG LINH	01/04/2011	Ngữ văn	10 Văn
11	6.11	ĐỖ GIA LINH	20/05/2011	Ngữ văn	10 Văn
12	6.12	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NGÀ	22/02/2011	Ngữ văn	10 Văn
13	6.13	LÂM BẢO NGÂN	05/06/2011	Ngữ văn	10 Văn
14	6.14	PHẠM ĐẶNG BẢO NGỌC	18/08/2011	Ngữ văn	10 Văn
15	6.15	THÁI VÕ THẢO NGUYỄN	15/01/2011	Ngữ văn	10 Văn
16	6.16	NGUYỄN UYỄN NHI	13/05/2011	Ngữ văn	10 Văn
17	6.17	VÕ HÀ YẾN NHI	03/02/2011	Ngữ văn	10 Văn
18	6.18	LÊ NGỌC BẢO NHƯ	14/09/2011	Ngữ văn	10 Văn
19	6.19	NGUYỄN MINH NGUYỆT NHƯ	17/10/2011	Ngữ văn	10 Văn
20	6.20	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	23/02/2011	Ngữ văn	10 Văn
21	6.21	HOÀNG THỊ HẢI PHƯƠNG	22/09/2011	Ngữ văn	10 Văn
22	6.22	NGUYỄN NGỌC TRÚC QUỲNH	22/07/2011	Ngữ văn	10 Văn
23	6.23	TRƯƠNG PHẠM HOÀNG THANH	21/10/2011	Ngữ văn	10 Văn
24	6.24	VŨ THANH THẢO	19/05/2011	Ngữ văn	10 Văn
25	6.25	LÊ TRẦN KHÁNH THI	21/09/2011	Ngữ văn	10 Văn
26	6.26	NGUYỄN HƯƠNG THỦY	17/10/2011	Ngữ văn	10 Văn
27	6.27	BÙI HUỲNH MINH THƯ	15/04/2011	Ngữ văn	10 Văn
28	6.28	MAI KHÁNH THY	09/05/2011	Ngữ văn	10 Văn
29	6.29	NGUYỄN MINH TRANG	28/01/2011	Ngữ văn	10 Văn
30	6.30	LÊ NGUYỄN THANH TRÚC	27/06/2011	Ngữ văn	10 Văn
31	6.31	NGUYỄN NHÃ UYÊN	22/11/2011	Ngữ văn	10 Văn
32	6.32	NGUYỄN HÀ VI	12/01/2011	Ngữ văn	10 Văn
33	6.33	VÕ TRẦN PHƯƠNG VY	29/04/2011	Ngữ văn	10 Văn
34	6.34	BÙI THỊ GIA YẾN	08/08/2011	Ngữ văn	10 Văn
35	6.35	NGUYỄN HẢI YẾN	25/02/2011	Ngữ văn	10 Văn

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	7.01	LÝ GIA AN	23/10/2011	Lịch sử	10 Sử
2	7.02	NGUYỄN DIỆP ANH	16/05/2011	Lịch sử	10 Sử
3	7.03	TRỊNH THỊ MINH ANH	29/04/2011	Lịch sử	10 Sử
4	7.04	LƯƠNG HOÀNG GIA	06/05/2011	Lịch sử	10 Sử
5	7.05	ĐỖ HƯƠNG GIANG	10/12/2011	Lịch sử	10 Sử
6	7.06	VŨ MINH HẰNG	05/02/2011	Lịch sử	10 Sử
7	7.07	ĐÀM GIA HÂN	02/06/2011	Lịch sử	10 Sử
8	7.08	LÊ HUY HOÀN	25/05/2011	Lịch sử	10 Sử
9	7.09	PHẠM MAI HOÀNG	07/09/2011	Lịch sử	10 Sử
10	7.10	LÊ NGỌC GIA HUY	12/11/2011	Lịch sử	10 Sử
11	7.11	PHÙNG MẠNH KHANG	11/05/2011	Lịch sử	10 Sử
12	7.12	TRẦN NGỌC BẢO KHÁNH	01/06/2011	Lịch sử	10 Sử
13	7.13	HỒ VIỆT KHÔI	02/09/2011	Lịch sử	10 Sử
14	7.14	ĐỖ MAI LINH	21/02/2011	Lịch sử	10 Sử
15	7.15	NGUYỄN THÀNH LỢI	17/08/2011	Lịch sử	10 Sử
16	7.16	ĐINH TRẦN NGỌC LÝ	29/09/2011	Lịch sử	10 Sử
17	7.17	TRẦN THỂ MẠNH	22/07/2011	Lịch sử	10 Sử
18	7.18	TRẦN THU MINH	01/08/2011	Lịch sử	10 Sử
19	7.19	PHẠM XUÂN NAM	19/10/2011	Lịch sử	10 Sử
20	7.20	PHẠM BẢO NGÂN	04/09/2011	Lịch sử	10 Sử
21	7.21	TRẦN HỒNG NHÂN	14/07/2011	Lịch sử	10 Sử
22	7.22	ĐỒNG KHÁNH NHI	21/03/2011	Lịch sử	10 Sử
23	7.23	BÙI LA BÍCH PHƯƠNG	07/04/2011	Lịch sử	10 Sử
24	7.24	NGÔ MINH PHƯƠNG	29/10/2011	Lịch sử	10 Sử
25	7.25	VŨ HÀ PHƯƠNG	03/08/2011	Lịch sử	10 Sử
26	7.26	PHẠM THỊ THANH TÂM	05/11/2011	Lịch sử	10 Sử
27	7.27	HUỲNH NGUYỄN THANH THANH	02/06/2011	Lịch sử	10 Sử
28	7.28	BÙI GIA THÀNH	29/03/2011	Lịch sử	10 Sử
29	7.29	NGUYỄN HIỀN THẢO	20/08/2011	Lịch sử	10 Sử
30	7.30	ĐOÀN ĐÌNH THIÊN	18/02/2011	Lịch sử	10 Sử
31	7.31	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	19/01/2011	Lịch sử	10 Sử
32	7.32	TẠ MINH TRIẾT	28/06/2011	Lịch sử	10 Sử
33	7.33	THÁI ĐÌNH TÚ	15/03/2011	Lịch sử	10 Sử
34	7.34	NGUYỄN THỊ CÁT TƯỜNG	22/01/2011	Lịch sử	10 Sử
35	7.35	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	12/08/2011	Lịch sử	10 Sử

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	8.01	BÙI QUỲNH ANH	26/03/2011	Địa lí	10 Địa
2	8.02	NGUYỄN GIA BẢO	27/08/2011	Địa lí	10 Địa
3	8.03	NGÔ THÁI BẰNG	09/04/2011	Địa lí	10 Địa
4	8.04	LÊ NGUYỄN NGỌC DIỆP	19/12/2011	Địa lí	10 Địa
5	8.05	TRƯƠNG PHÚ ĐẠT	16/12/2011	Địa lí	10 Địa
6	8.06	PHAN HỒ NGỌC HÂN	22/03/2011	Địa lí	10 Địa
7	8.07	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	12/03/2011	Địa lí	10 Địa
8	8.08	TÔN THỊ KHÁNH HUYỀN	12/10/2011	Địa lí	10 Địa
9	8.09	HỒ QUỲNH HƯƠNG	17/10/2011	Địa lí	10 Địa
10	8.10	NGUYỄN DUY KHANG	29/08/2011	Địa lí	10 Địa
11	8.11	TRẦN BẢO KHANH	03/12/2011	Địa lí	10 Địa
12	8.12	NGÔ MAI VÂN KHÁNH	17/03/2011	Địa lí	10 Địa
13	8.13	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	16/12/2011	Địa lí	10 Địa
14	8.14	NGUYỄN MỘC CẨM LAI	18/07/2011	Địa lí	10 Địa
15	8.15	NGUYỄN KHÁNH LINH	14/03/2011	Địa lí	10 Địa
16	8.16	NGUYỄN LÊ TRÚC LINH	13/01/2011	Địa lí	10 Địa
17	8.17	NGUYỄN QUỲNH MAI	23/11/2011	Địa lí	10 Địa
18	8.18	KIỀU VÕ TRÀ MY	19/01/2011	Địa lí	10 Địa
19	8.19	NGUYỄN THÀNH NAM	09/04/2011	Địa lí	10 Địa
20	8.20	NGÔ PHƯƠNG NGÂN	08/08/2011	Địa lí	10 Địa
21	8.21	NGUYỄN GIA NGHI	26/04/2011	Địa lí	10 Địa
22	8.22	ĐÀN TRẦN BẢO NGỌC	21/05/2011	Địa lí	10 Địa
23	8.23	LÊ CAO KHÁNH NGỌC	20/02/2011	Địa lí	10 Địa
24	8.24	ĐÌNH LÊ BẢO NGUYỄN	07/07/2011	Địa lí	10 Địa
25	8.25	BÙI LINH NHI	28/02/2011	Địa lí	10 Địa
26	8.26	LÊ HOÀNG AN NHIÊN	06/05/2011	Địa lí	10 Địa
27	8.27	NGUYỄN HỒ TẤN SANG	14/12/2011	Địa lí	10 Địa
28	8.28	NGUYỄN THANH THỦY TIÊN	04/10/2011	Địa lí	10 Địa
29	8.29	TRẦN THỊ THỦY TIÊN	19/02/2011	Địa lí	10 Địa
30	8.30	PHAN NGUYỄN THANH TRIẾT	22/02/2011	Địa lí	10 Địa
31	8.31	NGUYỄN HẢI TÚ	04/10/2011	Địa lí	10 Địa
32	8.32	LÂM THỊ THỰC UYÊN	02/07/2011	Địa lí	10 Địa
33	8.33	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VÂN	14/11/2011	Địa lí	10 Địa
34	8.34	NGUYỄN THẢO VY	05/06/2011	Địa lí	10 Địa

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	9.01	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	14/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
2	9.02	NGUYỄN NGỰ BÌNH	04/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
3	9.03	LÊ PHƯƠNG DUY	17/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
4	9.04	PHẠM XUÂN KỶ DUYÊN	03/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
5	9.05	ĐẶNG HOÀNG BẢO GIA	15/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
6	9.06	LÊ KHÁNH HÀ	30/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
7	9.07	HUỖNH GIA HÂN	08/10/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
8	9.08	PHẠM HOÀNG GIA HIẾU	26/08/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
9	9.09	TRẦN HOÀI HIẾU	21/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
10	9.10	TRƯƠNG KHÁNH HUYỀN	21/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
11	9.11	HỒ GIA KHÁNH	12/09/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
12	9.12	NGÔ HOÀNG THẢO LINH	10/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
13	9.13	NGUYỄN HOÀNG LINH	20/06/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
14	9.14	ĐỖ HOÀNG MAI	03/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
15	9.15	NGUYỄN HUỖNH BẢO MINH	24/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
16	9.16	NGUYỄN HOÀNG QUÝ NGÂN	19/08/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
17	9.17	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	20/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
18	9.18	NGUYỄN ĐÔNG NGUYỄN	30/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
19	9.19	NGUYỄN KHÁNH NGUYỄN	18/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
20	9.20	BÙI THẢO NHI	06/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
21	9.21	ĐẶNG TRẦN BẢO NHI	07/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
22	9.22	LÊ BẢO NHI	03/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
23	9.23	TRẦN NGỌC AN NHIÊN	10/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
24	9.24	LÊ DƯƠNG TÂM NHƯ	13/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
25	9.25	LÊ PHƯỚC PHÁT	01/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
26	9.26	LÊ ĐÌNH PHONG	08/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
27	9.27	HUỖNH BÍCH PHƯƠNG	18/07/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
28	9.28	TRẦN VŨ QUỐC	07/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
29	9.29	NGUYỄN HỒ NGỌC SƠN	30/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
30	9.30	HOÀNG HIẾU THẢO	04/07/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
31	9.31	NGUYỄN ĐỖ GIA THUẬN	16/07/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
32	9.32	ĐÌNH NGUYỄN ANH THƯ	14/08/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
33	9.33	PHẠM THỊ THANH TRÚC	26/11/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
34	9.34	NGUYỄN TƯỜNG VÂN	24/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1
35	9.35	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG VY	17/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 1

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Môn chuyên	Lớp
1	9.36	ĐẶNG TRẦN ĐẠI AN	08/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
2	9.37	NGUYỄN PHẠM HOÀNG GIA BẢO	16/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
3	9.38	NGUYỄN ĐÌNH MINH CAO	29/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
4	9.39	NGUYỄN ĐỖ Á CHÂU	18/09/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
5	9.40	NGÔ THỊ NGỌC DIỆP	16/06/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
6	9.41	VŨ PHẠM THUY DUNG	08/11/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
7	9.42	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	18/12/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
8	9.43	VÕ NGUYỄN ĐỨC	23/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
9	9.44	NGUYỄN HỒNG HẠNH	10/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
10	9.45	NGUYỄN PHÚ HÒA	20/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
11	9.46	LÊ NHÃ HUYỀN	22/07/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
12	9.47	VŨ THỊ MAI HUYỀN	02/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
13	9.48	LÊ TRẦN KHẢI	22/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
14	9.49	LÊ HỒNG KHANG	21/06/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
15	9.50	NGUYỄN MINH KHANG	22/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
16	9.51	PHẠM HỒ TUẤN KHANG	01/06/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
17	9.52	TIÊU BẢO KHANG	06/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
18	9.53	NÔNG QUỐC KHÁNH	21/02/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
19	9.54	ĐẶNG PHAN MỸ LAN	25/11/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
20	9.55	LÊ THỊ PHƯƠNG LY	23/03/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
21	9.56	HUỖNH THỊ BÍCH NGÀ	27/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
22	9.57	LA NGUYỄN THẢO NGUYỄN	08/07/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
23	9.58	NÔNG ĐẶNG BÍCH NHUNG	16/07/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
24	9.59	LÊ NGỌC BẢO NHƯ	27/06/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
25	9.60	ĐỖ ANH QUÂN	18/10/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
26	9.61	TRẦN HOÀNG QUÂN	10/01/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
27	9.62	TRẦN QUANG SƠN	11/10/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
28	9.63	TRẦN THỊ UYÊN THANH	08/04/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
29	9.64	PHAN THANH THẢO	03/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
30	9.65	LÊ TRẦN YẾN THỦY	26/07/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
31	9.66	VÕ LÊ MINH THY	24/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
32	9.67	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG	08/05/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
33	9.68	NGUYỄN TRẦN BẢO TRÂM	28/06/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
34	9.69	ĐINH DƯƠNG Ý	18/12/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2
35	9.70	NGUYỄN BẢO YÊN	10/12/2011	Tiếng Anh	10 Tiếng Anh 2